

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ CÁC TỘC NGƯỜI MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

TUẤN QUỲNH NGỌC HÀ
Hội Dân tộc học & Nhân học

Miền Đông Nam Bộ là một khu vực lịch sử văn hóa có bản sắc riêng do các vấn đề lịch sử địa mạo và lịch sử tộc người, lịch sử xã hội trong khu vực tạo nên. Toàn bộ khu vực miền Đông nằm phía nam Tây Nguyên, giáp biên giới Campuchia và tiến dần ra biển và tiếp giáp với thềm phù sa cổ của lưu vực sông Cửu Long và hệ thống sông Đồng Nai, thấp dần theo hướng Tây Bắc-Đông Nam và đồng thời cũng là quê hương lâu đời của nhiều lớp cư dân bản địa nói tiếng Môn-Khmer, Nam Đảo và các ngôn ngữ khác.



thuộc 2 tỉnh Bình Long, Phước Long) nằm phía tây Đông Nam Bộ, có đường biên giới với Campuchia dài 240 km. Đây là vùng chuyển tiếp giữa cao nguyên với đồng bằng, địa hình thấp dần từ đông bắc xuống tây nam. Phía đông bắc là vùng núi có độ cao trung bình 450-500 m so với mặt biển (đỉnh cao nhất là Bà Rá 733m); phía tây bắc gồm những dãy núi thấp độ cao phổ biến 20-30m. Trên địa bàn có hai con sông lớn chảy qua là sông Sầu Gòn chảy ở phía tây với chiều dài 135 km tạo ranh giới giữa Bình Phước và Tây Ninh; sông Bé ở phía đông chảy theo hướng bắc nam rồi đổ vào sông Đồng Nai... (BP) Đây là địa bàn cư trú của nhiều lớp cư dân, đặc biệt là cư dân nhóm ngôn ngữ Môn- Khmer ở địa phương (Xtiêng, Khmer, Mnông, Mạ, Chơ ro) và nam đảo (Chăm) được gọi là lớp cư dân "bản địa" cư trú lâu đời. Hiện nay đây là địa bàn có hơn 40 thành phần tộc người cư trú song đông nhất là người Xtiêng chiếm 9,7% dân số toàn tỉnh và 95,4% tổng số người xtiêng toàn quốc; sau đó là người Khmer 1,76% dân số toàn tỉnh; người Mnông 1,09% dân số tỉnh... Ngoài ra sau năm 1975 các dân tộc Kinh và nhiều dân tộc thiểu số từ phía bắc đến đã làm cho tình hình tộc người có nhiều biến

Đây là khu vực ít được tiếp cận và giới thiệu dưới góc độ tộc người mãn tính tiểu vùng của vùng văn hóa Nam Bộ

Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu còn là những miền đất lịch sử ghi dấu ấn đặc trưng văn hóa vùng và lịch sử quan hệ của cá tộc người qua các thời đại. Nếu Bình Phước là địa hình khởi đầu sự chuyển tiếp giữa cao nguyên với đồng bằng và là quê hương lâu đời của một số tộc

người Môn-Khmer và Xtiêng thì Tây Ninh, Bình Dương... cũng là vùng chuyển tiếp giữa núi đồi nằm Trung Bộ với đồng bằng sông Cửu Long. Đồng Nai thì thuộc khu vực trung du có độ cao trên dưới 100m so với mặt biển và có độ dốc phổ biến là nhỏ hơn 80. Bà Rịa- Vũng Tàu thì thuộc vùng bậc thềm của cao nguyên Di Linh từ Lâm Đồng chạy xuống nên 3/4 diện tích tự nhiên của tỉnh là đồi núi và thung long.

Bình Phước (trước năm 1975

đôi về cơ cấu dân tộc, dân cư và văn hóa... Đây là vùng đất chưa phát hiện ra các dấu tích con người thời kỳ cổ xưa nhưng trong lịch sử cận hiện đại đã ghi dấu nhiều di tích trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Đồng bào các tộc người ở địa phương đã đoàn kết, yêu nước đấu tranh, bãi công ở đồn điền Phú Riềng, An Tiên, Dầu Tiếng trong những năm 1927, 1928, 1931, 1936. Năm 1933 hai anh em Điều Mồi và Điều Mối người Xtiêng đã nổ dậy chống Pháp. Trong kháng chiến chống Mỹ đây là vùng căn cứ quan trọng của lực lượng cách mạng đối với chiến trường miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

Thuở xa xưa, Bình Dương là một phần của đất Gia Định đến nay có trên 300 năm lịch sử với những si sản văn hóa đặc sắc, mà một trong giá trị nhiều người thường nhắc tới là đờn ca tài tử. Từ cái nôi Gia Định đờn ca tài tử về sau phát triển, nở rộ ở nhiều tỉnh đồng bằng châu thổ sông Cửu Long. Bình Dương là địa bàn có các nghề thủ công truyền thống như gỗ, gốm, sơn mài... nổi tiếng từng tham gia hội chợ quốc tế, xuất khẩu sang Pháp; đồng thời đây còn địa bàn với những địa danh đi vào lịch sử kháng chiến chống Pháp, Mỹ-ngụy như Phú Lợi, Bàu Bàng, Bến Súc, Lai Khê, chiến khu Đ có ba làng An (An Điền, An Tây và Phú An) thuộc huyện Tân Uyên... Hiện nay Bình Dương có 28 thành phần tộc người cư trú song đông nhất là người Kinh sau đó là người Hoa và người Khmer.

Tây Ninh trong lịch sử vốn thuộc đất Phù Nam, nhưng mãi đến năm 1658 mới có dân tới khai hoang lập ấp; năm 1836 nhà Nguyễn lập thành phủ Tây Ninh và về sau đổi thành tỉnh. Tây Ninh cũng là vùng chuyển tiếp giữa núi đồi nằm Trung Bộ với đồng bằng sông Cửu Long. Tây Ninh là căn cứ địa cách mạng, là địa bàn doanh của Trung ương Cục miền Nam

trong kháng chiến chống Mỹ và là trung tâm của đạo Cao Đài (đạo nội địa, do Phạm Công Tắc sáng lập năm 1926). (1) Miền đất các địa phương Đông Nam Bộ nói chung và Tây Ninh hiện nay là quê hương của nhiều tộc người anh em trong cả nước trong lịch sử hiện đại. Hiện nay Tây Ninh có 26 tộc người song chủ yếu là người Kinh, Khmer, Hoa, Chăm và Xtiêng...

Theo nhiều nhà nghiên cứu, Đồng Nai là một vùng đất cổ (trước năm 1975 thuộc tỉnh Long Khánh). Các nhà khảo cổ học và nhân chủng đã tìm thấy ở Hàng Gòn, Dốc Mơ những di chỉ đồ đá cũ; cầu Sắt, suối Linh thuộc di chỉ hậu kỳ đồ đá mới; ở Bình Đa có đàn đá 37 thanh, Dốc Chùa, Cái Vạn có nhiều khuôn đúc đồng nên đại cách ngày nay 3.150 năm... Những biến động, thăng trầm của lịch sử địa chất và nhân văn trên miền đất này đã làm đứt gãy các mạch nguồn tự nhiên và văn hóa nên vùng đất này nói riêng và Nam Bộ nói chung mới thực sự trở lại được tiếp tục khai phá hơn 300 năm trước để tạo nên lớp lịch sử liền mạch đến hôm nay. (2) Những dòng người cách đây 300 năm với sức mạnh của nghĩa quân Tây Sơn từ phía bắc tiến vào dẹp giặc, khai khẩn đất hoang, mở mang bờ cõi, mang theo nghề trồng lúa nước, đóng thuyền, lập làng, hình thành các khu dân cư dọc theo sông Đồng Nai và vùng phụ cận là cho miền đất này dần dần sinh sôi, hưng thịnh, trở thành niềm kiêu hãnh cho những ai khi được đặt chân đến miền đất này: "Lâm trai cho đáng nên trai; Phú Xuân cũng trải, Đồng Nai cũng từng". Hiện nay Đồng Nai là địa bàn cư trú của 43 thành phần tộc người, đông nhất là người Kinh, Hoa, Nùng, Chơ-ro, Tày, Dao, Mường, Khmer, Chăm, Mạ, Xtiêng...

Vũng Tàu xưa thuộc trấn Biên Hòa nhưng là một vùng đất hoàn chưa được đặt tên (trước năm

1975 thuộc tỉnh Phước Tuy). Những khu dân cư, làng xóm, doanh trại đầu tiên ở đây xuất hiện từ thời Gia Long khi nhà vua thực hiện chủ trương kiểm soát vùng này để chống lại bọn cướp biển Mã Lai thường đến quấy rối ở cửa sông Bến Nghé. Vua Gia Long đã đặt tên cho vùng đất này Phước Thắng. Năm 1822 quân cướp biển bị tiêu trừ, vua Minh Mạng cho các đội quân về giải ngũ và cấp đất để họ ở lại làm ăn và hình thành nên 3 làng đầu tiên là: Thắng Nhất, Thắng Nhi và Thắng Tam, Từ đó Phước Thắng được gọi là Tam Thắng. Từ đó vùng này dần dần trở nên nhộn nhịp với các tàu biển nước ngoài neo đậu tránh gió bão hoặc đến trao đổi hàng hóa và Tam Thắng được đổi thành Vũng Tàu. Khi người Bồ Đào Nha đến, họ lầm tưởng tìm ra Vũng Tàu là vùng đất mới và đặt tên vũng tàu theo tên thánh là Cap Saint Jacques. Người Pháp sử dụng tên này và viết tắt Aucap, do vậy thời Pháp thuộc người Nam Bộ gọi vũng Tàu là Ô Cấp.

Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Đông Nam Bộ, được thành lập năm 1698; là vùng chuyển tiếp giữa miền gò đồi phía bắc với vùng châu thổ sông Cửu Long (trước năm 1975 là vùng Sài Gòn-Gia Định). Địa hình thành phố tương đối bằng phẳng, thấp dần từ bắc xuống nam với dạng địa hình cụ thể: gò đồi lượn sóng chiếm 20% diện tích tự nhiên tập trung phía bắc, độ cao 4-32m; địa hình bằng phẳng chiếm 15% diện tích, tập trung ở nội thành với độ cao 2-4m; địa hình thấp phía tây nam, chiếm 34% diện tích với độ cao 1-2m; địa hình trũng ven biển chiếm 21% diện tích, phổ biến ở độ cao 0-1m. Địa bàn thành phố có 2 con sông chính là sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ cùng một hệ thống kênh rạch chằng chịt với tổng chiều dài gần 8 nghìn km, có các kênh rạch lớn như Nhiều Lợc-Thị Nghè, rạch Bến Cát, rạch Bà Hòm, rạch Tân Kiên, rạch Tân

(1) Đạo Cao Đài mang tính đa thần, thờ Thiên Nhân, thờ cả chúa Giê Su, Thích Ca, Lao Tử, Khổng Tử, Tôn Trung Sơn. Cho đến nay đạo Cao Đài vẫn là đạo mang tính địa phương, tín đồ không nhiều và chủ yếu là ở Tây Ninh. Theo số liệu 1999 thì Tây Ninh có 394,3 nghìn người theo đạo Cao Đài chiếm 46,0% số tín đồ theo đạo Cao Đài cả nước.

Hòa-lò Góm...Từ xa xưa thành phố Hồ Chí Minh đã có con người sinh sống nhưng mãi đến năm 1623, khi chúa Nguyễn đặt đồn thu thuế thì nơi đây cũng mới có 2 vạn dân với cái tên Bến Nghé và đến năm 1698 mới gọi là Sài Gòn (theo một ý kiến giải thích bởi đây là quê hương của cây Gòn và sài theo tiếng cổ là cây và cũng là rừng). Người có công thiết lập bộ máy hành chính và tập hợp dân từ xứ khai khẩn, mở mang Sài Gòn từ 1698 đến những đầu thế kỷ XVIII là thống suất Nguyễn Hữu Cảnh. Để ghi công ông trong xây dựng Sài Gòn - Gia Định và mở mang bờ cõi đất phương nam, vua Minh Mạng đã phong ông là Lễ thành hầu khai quốc công thần Trang Võ tướng quân Vinh An Hòa. Về sau vua Tự Đức cũng ban tặng là Thượng đẳng thần. Năm 1772 danh tướng Nguyễn Cửu Đàm đã xây dựng lũy Bàn Bích dài 10km nối rạch Bến Nghé với rạch Thị Nghè hình thành diện mạo sơ khai của thành phố với diện tích 50km². Trong quá trình khai thác thuộc địa, ngày 15/3/1874 Tổng thống Cộng hòa Pháp ký sắc lệnh thành lập thành phố Sài Gòn. Từ đó Sài Gòn phát triển theo kiểu đô thị mang dáng dấp phương Tây. Trong thời kỳ phong kiến cũng như kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Sài Gòn - Gia Định là nơi tụ hội ngày một đông của nhiều thành phần phân tộc người. Trong quá trình lịch sử, thành phố miền Đông Nam bộ này đã ghi dấu nhiều mồ hôi, nước mắt, xương máu trong quá trình mở đất, lập nghiệp xây dựng quê hương, bảo vệ đất nước của các tộc người mà tiêu biểu là người Kinh, Hoa, Chăm, Khmer và nhiều

tộc người anh em khác. Sau chiến thắng mùa Xuân 1975, thống nhất đất nước thể theo nguyện vọng của nhân dân thành phố, Quốc hội khóa VI nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã chính thức đổi tên Sài Gòn thành thành phố Hồ Chí Minh... Những dấu tích lịch sử, văn hóa qua các thời kỳ lịch sử và sự có mặt của nhiều thành phần tộc người tại thành phố hôm nay là minh chứng cho truyền thống yêu nước, đoàn kết của các tộc người trong dựng xây, bảo vệ và phát triển thành phố, phát triển miền Đông Nam Bộ nói riêng và toàn vùng Nam Bộ nói chung.

Tựu chung lại, qua các bằng chứng khảo cổ học từ thời đồ đá cũ và các bằng chứng lịch sử, văn hóa khác, giới khảo cổ học, khoa học lịch sử, dân tộc học, văn hóa... nước ta cho biết: Đông Nam Bộ đã từng là một vùng văn hóa khá phát triển trong lịch sử, đã có trung tâm luyện kim (đồng và sắt) vài ngàn năm trước. Từ thuở xa xưa ấy Đông Nam Bộ cũng đã có mối quan hệ, giao lưu văn hóa, kinh tế với các vùng văn hóa như vùng biên Hồ ở Tây Nguyên, Sa Huỳnh ở Nam Trung Bộ và cả với văn minh Đông Sơn thuộc khu Tam giác Đông gồm Bắc Việt Nam-Vân Nam (Trung Quốc) Lương Quảng (Trung Quốc) thuộc không gian văn hóa Bách Việt thời sơ sử. Đông Nam Bộ thời xa xưa ấy còn có quan hệ giao lưu kinh tế-văn hóa-xã hội với các vùng Đông Nam Á như với Sam Rông Sen, Mlu (Campuchia), với Hạ, Thượng Lào (Lào), với Non Nok Tha, Ban Chiang (Thái Lan). Ngoài ra còn có giao lưu với khu vực Vân Nam (tây nam Trung Quốc), với Ryukyu (Luu Cầu

quốc)... Và có thể nói lưu vực sông Đông Nai (từ thượng lưu đến hạ lưu) vốn là địa bàn cư trú lâu đời của các tộc người nhóm ngôn ngữ Môn- Khmer, Nam Đảo... trong khu vực Đông Nam Bộ thuở xưa như Mạ, Xtiêng, Chu-ru. Nhìn chung các nhóm cư dân này đều gọi sông Đông Nai là Đạh Đờng (sông Lớn). Theo một số nhà nghiên cứu tại đây đã từng tồn tại một vương quốc nằm giữa Thủy Chân Lạp và Champa, đó là Vương quốc Mạ.

Các tộc người tại chỗ miền Đông Nam Bộ, chủ nhân của vùng đất này là người Xtiêng, người Khmer, người Chơ-ro, người Mnông, người Chăm và người Mạ. Trong sáu tộc người trên đây có năm tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer (Xtiêng, Khmer, Chơ-ro, Mnông, Mạ) và một tộc người thuộc nhóm Nam đảo (Chăm). Nhìn chung các tộc người trên đều là những lớp cư dân bản địa có mặt rất sớm ở khu vực cao nguyên và các vùng phụ cận, là lớp cư dân tại chỗ sáng tạo và để lại nhiều dấu ấn lịch sử, văn hóa trong vùng và quốc gia.

- Người Xtiêng: Tên gọi khác là Xa điêng, Bu Lơ, Bu đíp, Bu đêh, Bu lanh, Ray, Tà Mun, Bà Rá, Dalmer, Rong Ah, Bu Le; có người phân thành 4 nhóm (Bu đíp, Bu đêh, Bu lach, Bu Lơ); có người khẳng định thực chất chỉ có hai nhóm: Bu Lơ và Bu đêh. Theo số liệu 1999, ở miền Đông Nam Bộ, người Xtiêng có mặt hầu khắp các tỉnh và là tộc người có số dân đông nhất trên địa bàn, cư trú đông nhất là Bình Phước (63.733 người), thứ đến Tây Ninh (1.469 người), Đồng Nai (1.135 người), Bình Dương

(2- Tại Đồng Nai, từ những năm 1968-1971, nhà địa chất học người Pháp đã phát hiện dấu tích đồ đá cũ tại Hang Gòn 6 và Dấu Giây 2. Từ 1975 đến nay đã phát hiện 14 di tích đồ đá cũ trên địa điểm Hang Gòn, Dấu Giây và Xuân Lộc; Xuân Lộc còn được gọi là đồ đá cũ ở Nam Bộ. Các di chỉ đồ đá mới cũng được phát hiện sau năm 1975 mà tiêu biểu là Bình Đa, Cầu Sắt (Đồng Nai) và Đốc Chùa ven sông Đồng Nai (thuộc Bình Phước). Đốc Chùa là một trong di tích phong phú và tiêu biểu của văn hóa sông Đồng Nai. Theo các nhà khảo cổ học sau Đốc Chùa, Dấu Giây, Hang Gòn... khoảng 2500 năm trước đã kết thúc nền văn hóa đã mới-đồng thau ở Đồng Nai... Điều đáng quan tâm là các nghiên cứu cho thấy chủ nhân của các nền văn hóa đó không dừng lại ở Đồng Nai mà họ tiếp tục xuôi dòng sông ra cửa biển và gặp nhóm cư dân mới từ biển vào xây dựng nền văn hóa Cần Giuộc; trên đường đi họ đã để lại di chỉ Cái Vạn, Cái Lãng, Bưng Bạc ở huyện Châu Thành. Một bộ phận khác tách ra, phát triển về hướng tây, tiếp cận vùng đồng bằng thấp Nam Bộ và in dấu tích của họ ở Long An, An Sơn, Rạch Núi.

(60 người) và ít nhất là Bà Rịa - Vũng Tàu (9 người). Bình Phước là địa bàn sinh sống chính và tập trung của người Xtiêng. Dân số người Xtiêng ở Bình Phước trên đây chiếm 8,7% dân số toàn tỉnh và 95,4% dân số người Xtiêng cả nước.

Nếu tộc danh của nhiều tộc người khác đều mang một ý nghĩa nào đó, thì tộc danh của người Xtiêng chưa có ai giải thích có nghĩa là gì. Có người liên tưởng đến tên một nhân vật, anh hùng văn hóa nào đó của cộng đồng hoặc một huyền thoại gắn với một thủy tổ của cộng đồng: *Điêng* một nhân vật thông minh, sáng tạo dạy dân làm ruộng, rèn sắt, đan lát, làm nhà... và có thể gắn với thời đại đồ sắt hay đồ đồng? Theo truyền thuyết người Xtiêng vốn là anh cả đã nhường lại vùng biển thuận lợi cho em để lên ở vùng cao chỉ mang theo nghề làm thuốc và chữ viết (?) trên thanh tre và mang theo cả thú, chim lên rừng... *Điêng* là cha đẻ của dân tộc Xtiêng có quyền cho mẹ tái giá. Do chiến tranh với người Trung Quốc nên *Điêng* phải lui về phía nam. Khi chết, *Điêng* không hóa về trời, về lòng đất mà đi ra biển cả mênh mông. Người Xtiêng còn lưu truyền nhiều chuyện về các ghò tằm voi, các tòa thành hình tròn của dân tộc, mối quan hệ với các "nước" có tên là Bà Li, Thu Nại, Xích Thổ... Các truyền thuyết trên đã gợi cho giới khoa học những phán đoán về cộng đồng Xtiêng là vốn là cư dân bản địa trong khu vực tiếp giáp giữa rừng và biển, là hướng di chuyển của cộng đồng Môn-Khmer đi từ

lục địa ra biển hoặc người lại, là cư dân biết làm ruộng nước và ruộng cạn (nuông rẫy), là "mô tip" gần với huyền thoại Lạc Long Quân trở về biển cả của người Việt cổ, về mối quan hệ với Chiêm Thành và Khmer, với nghĩa quân Tây Sơn, về sự chuyển tiếp giữa xã hội mẫu hệ sang phụ hệ... Thư tịch cổ của Trung Hoa và Việt Nam như An Nam đại quốc họa đồ thời Minh Mạng (1938) đã nói đến "thành Xương tinh", tức thành Xtiêng.

Trong kháng chiến chống Pháp, người Xtiêng đã cùng các dân tộc anh em đã tham gia phong trào Trương Quyền với làng chiến đấu Tchery Méang nổi tiếng. Nhiều tên xâm lược Pháp như De Larclause, Marchand đã bỏ mạng ở đây. (3) Xã Phú Riềng huyện Phước Long (Bình Phước) là nơi ra đời chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên củ vùng Đông Nam Bộ, đồng thời cũng là nơi nổ ra cuộc kháng chiến chống Pháp của hai anh em người Xtiêng là *Điêu Mol* và *Điêu Mól* năm 1933. Nhân dân còn lưu truyền những câu chuyện về các ông *Điêu Sóm*, *Điêu Sung*, *Điêu Giang*, *Điêu Mót*, *Điêu Môn* trong việc giết các tên thực dân Pháp xâm lược... Năm 1912 chinh *Henri Maitre* đã thú nhận "chỉ cách Sài Gòn có 3 ngày đường, tôi thấy có những bộ lạc Xtiêng từ chối công nhận chúng ta: một vùng bí hiểm và không quy thuận... Có những vùng Xtiêng hoàn toàn độc lập ở vùng giáp Nam Kỳ và Cao Miên". Sau cách mạng tháng Tám (1945) nhiều người Xtiêng tham gia các lực lượng cách mạng do công nhân đồn điền Phú Riềng lãnh đạo để đánh Pháp ở

vùng Cầu Bông-Thị Nghè. Vùng người Xtiêng trong kháng chiến 9 năm là tuyến giao thông từ khu V vào Nam Bộ...

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) đây là vùng hậu cần của khu X. Người Xtiêng tham gia đại đội 568 cùng với nhiều dân tộc khác lập được nhiều thành tích. Trong những năm 1964-1965 đồng bào đã phá tan nhiều ấp chiến lược, phá kế hoạch lập quần địa phương, áp dân sinh... của địch cũng như góp phần vào nhiều thắng lợi của cách mạng trong mùa xuân Mậu thân (1968) và mùa xuân 1975 thống nhất đất nước. (4

- Người Khmer: Người Khmer ở miền Đông Nam Bộ chiếm tỷ lệ 2, 12% tổng số người Khmer cả nước. Tuy tỷ lệ so với tổng số cộng đồng không cao nhưng trên địa bàn 5 tỉnh miền Đông Nam Bộ người Khmer có mặt hầu khắp các tỉnh và với số lượng tương đối đông và đồng đều so với các tộc người thiểu số khác trong khu vực và có dân số 22.371 người đứng hai sau người Xtiêng. Tỉnh miền Đông có dân số Khmer đông nhất là Bình Phước (11.323 người), thứ nhì là Tây Ninh (5.727 người), thứ ba là Đồng Nai (2.582 người), thứ tư là Bình Dương (1.490 người) và sau cùng là Bà Rịa - Vũng Tàu (1.249 người). Có thể nói đây là nhóm Khmer trong cộng đồng tộc người Khmer ở nước ta còn ít được nghiên cứu quan tâm đúng mức so với nhóm Khmer ở đồng bằng châu thổ sông Cửu Long. Sự phân bố tương đối đồng đều và với số dân không ít trên địa bàn các tỉnh miền Đông Nam Bộ của người Khmer

(3) Nhiều đồn Pháp tại vùng người Xtiêng vừa lập lên đã phải bỏ chạy nhiều lần. Đồn Bù Đốp lập năm 1906 thì năm 1908 bị mất vào tay nghĩa quân, mãi đến năm 1913 mới lập lại được. Người Xtiêng đã tham gia vào phong trào yêu nước do N'rang Long (người Mnông) lãnh đạo vào đầu thế kỷ XX. Thủ lĩnh nổi tiếng là R'Ding đã tổ chức hội thề giết tên H. Maitre..., tổ chức đấu tranh chống bắt phu năm 1933, nhiều người bị bắt đi đày Côn Đảo...

(4) Những năm 1969-1971 là những năm khó khăn, gian nan nhất đối với đồng bào Xtiêng song cũng là thể hiện lòng kiên trì đối với cách mạng. Đồng bào vẫn bám trụ giữ làng, bám rẫy, cán bộ bám địa phương gây dựng lại phong trào. Mỹ lợi dụng đặc điểm ưa độc lập và thiện chiến để tổ chức người Xtiêng thành những đơn vị đột nhập, sơn cước chống lại quân giải phóng, thực hiện âm mưu chặt đứt mối quan hệ Kinh-Thượng. Trên thực tế thì hoàn toàn ngược lại, Mỹ không phá được lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết đấu tranh giành độc lập của đồng bào... Năm 1975 đồng bào được tập hợp từ các điểm sơ tán khắp về định cư, xây dựng cuộc sống mới đến hôm nay.

cho thấy một sự phản ánh một quá trình lịch sử, văn hóa của nhóm Khmer này. Đáng tiếc trong những năm vừa qua các tộc người thiểu số khu vực miền Đông Nam Bộ chưa được quan tâm đúng mức trên cả hai bình diện: tộc người cụ thể và dưới góc độ văn hóa vùng theo chiều lịch đại và đồng đại... Hiện nay khi nói đến văn hóa Khmer thì thường là các công trình nghiên cứu, giới thiệu về người Khmer các tỉnh đồng bằng châu thổ Sông Cửu Long (Trung và Tây Nam Bộ). Còn khi chúng ta muốn biết về nhóm Khmer miền Đông Nam bộ với dân số 11.323 người với chiều sâu văn hóa nội sinh và trong mối quan hệ với các tộc người láng giềng gần với sự hình thành dải đất nam Tây Nguyên, chỗ giao thoa giữa cao nguyên đất đỏ với thềm phù sa cổ do các con sông bồi đắp và thềm lục địa ven biển này thì chưa được chú ý đúng mức nếu như không muốn nói là còn nhiều vấn đề khoa học còn là ẩn số.

- Người Chơ-ro: Tên tự gọi của đồng bào là Chrau-Jro, trong đó Chrau có nghĩa là Người hay Nhóm người, Tập đoàn người, còn Jro là một danh từ riêng chỉ tên cộng đồng. Trên cơ sở đó người Chơ ro gọi người các tộc người khác gồm tên Chrau (người) và tên của tộc người cụ thể kèm theo: Chrau Duôn (người Việt), Chrau Mạ (người Mạ), Chrau Ê-đê (người Ê-đê)... Ngoài ra họ còn được gọi bằng các tên gọi khác như: Dơ ro, Châu ro, Chro, Chrau. Tộc danh Chrau-Jro còn gắn liền với tên gọi một giống lúa nếp cổ truyền được ưa chuộng là "n'hpal Chrau-jro" mà người Việt gọi là nếp cái.

Người Chơ-ro là tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer. Các kết quả nghiên cứu đều



Lễ hội dân gian của người Chơ ro ở Đồng Nai

cho rằng đây là tộc người bản địa ở nam Đông Dương. Dân số người Châu-ro toàn quốc là 22.567 người trong đó các tỉnh miền Đông Nam Bộ là 20.136 người chiếm gần 90% dân số của cộng đồng. Trên địa bàn các tỉnh miền Đông Nam Bộ, người Châu-ro sinh sống tập trung, chủ yếu ở Đồng Nai với 3.733 người, thứ hai là tỉnh Bà-Rịa-Vũng Tàu với 6.328 người; các tỉnh còn lại trong khu vực như Tây Ninh không có, các tỉnh Bình Phước, Bình Dương đều dưới 50 người. Như vậy ngoại trừ người Khmer, có thể nói đây là cộng đồng tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer nam Đông Dương và nam Tây Nguyên cư trú gần phía biển nhất, hay có thể nói là nơi tiếp giáp giữa khu vực kiến tạo địa chất của các nham thạch núi lửa với thềm phù sa cổ (nước ngọt) và thềm lục địa (nước mặn).

Trong tiến trình lịch sử của mình cộng đồng Chơ-ro các tỉnh Đông Nam Bộ có mối quan hệ với tộc người Việt và các tộc người khu

vực miền Trung và Tây Nguyên, cùng gắn bó với sự nghiệp đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc và xây dựng đất nước.

- Người Mnông: Tên gọi khác của người Mnông là Pnông, Nông, Prê, Bu đăng, Đì Pri, Bia, Gar, Rolăm, Chil. Trên địa bàn các tỉnh miền Đông Nam Bộ, người Mnông cư trú chủ yếu ở tỉnh Bình Phước với 7.136 người, số còn lại ở các tỉnh đều dưới 10 người không đáng kể, trừ Đồng Nai có 36 người. Người Mnông còn lại 92,23% cư trú tập trung ở các tỉnh Đăk Nông, Đăk Lăk, Lâm Đồng. Người Mnông cư trú xen kẽ và các quan hệ văn hóa qua lại với các dân tộc cư trú láng giềng như người Ê-đê, Cơ ho, Mạ, Xtiêng. Qua ngôn ngữ các nhà nghiên cứu còn cho thấy văn hóa, vốn từ vựng Mnông bộc lộ sự ảnh hưởng của tiếng Chăm qua tiếng Ê-đê, Gia Rai những cư dân thuộc ngữ hệ Nam Đảo.

Mnông là tộc người thuộc lớp cư dân bản địa ở nước ta, nói ngôn

(5) Các nhóm chính ở các tỉnh Tây Nguyên phải kể đến là: Mnông Gar ở nam Hồ Lắc và Tây bắc Lâm Đồng; Mnông Nong ở 2 huyện Đăk Nông và Đăk Mil tỉnh Đăk Nông; Mông Knênh ở huyện Krông Pak tỉnh Đăk Lăk; Mnông Prah chủ yếu ở hai huyện Đăk Nông và Đăk Mil và phía nam hồ Lắc tỉnh Đăk Lăk; Mnông Prông phân tán ở các huyện Đăk Nông, Đăk Mil...; Mnông Rlăm ở huyện Lạc tỉnh Đăk Lăk (có quan hệ nhiều với người Ê-đê); Mnông Buđăng ở bán Đôn huyện Ea Súp tỉnh Đăk Lăk; Mnông Chil ở huyện Lạc tỉnh Đăk Lăk và huyện Lạc Dương và Đăc Trọng tỉnh Lâm Đồng... Ngoài ra còn có nhiều nhóm khác cư trú tại nhiều địa phương thuộc các tỉnh Tây Nguyên như: Mnông Bu Nor, Mnông Dìh Bri, Mnông Si Tô, Mnông K'ah, Mnông Phê Dăm...

ngữ Môn Khmer và thuộc loại hình nhân chủng Anhdônêdiêng. Quá trình lịch sử phát triển tộc người và quá trình cư trú tại các vùng đất (có tính độc lập tương đối và khép kín trước đây) đã làm cho cộng đồng Mnông hình thành nhiều nhóm địa phương, song các nhóm đều tự nhận mình là người Mnông. Ở các tỉnh miền Đông Nam bộ chỉ là một bộ phận nhỏ và thuộc nhóm Mnông Đíp, Mnông Biat và Mnông Bu Đêh, số còn lại trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên người Mnông được chia làm nhiều nhóm khác nhau(5). Cùng với các nhóm địa phương thì người Mnông cũng hình thành nhiều phương ngữ khác nhau song sự khác nhau giữa các phương ngữ không đáng kể, trừ nhóm Mnông gar ở huyện Lạc nói một thổ âm có phần khác biệt.

Mnông là tộc người có tinh thần độc lập, tự chủ rất cao. Khi thực dân Pháp xâm lược các tỉnh Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ vùng người Mnông đã bùng nổ phong trào kháng chiến do N'Trang Long lãnh đạo kéo dài từ 1912 đến 1936. Nghĩa quân Mnông đã làm ho quân Pháp khiếp nhược, thiệt hại rất đáng kể. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ vùng người Mnông là vùng căn cứ địa của cách mạng, là "đất thánh" của cách mạng nơi tôi luyện của các chiến sĩ và cán bộ, nơi có nhiều phong trào cách mạng cách mạng góp phần vào chiến thắng mùa Xuân 1975, thống nhất đất nước.

- Người Mạ : Tên gọi khác của người Mạ là Châu Mạ, Mạ Ngăn, Mạ Xốp, Mạ Tô, Mạ Krung. Theo số liệu điều tra năm 1999 người Mạ có 33.338 người, trong đó ở các tỉnh Đông Nam Bộ có 2.472 người chiếm 7,41% cả nước. Người Mạ cư trú chủ yếu ở Lâm Đồng (Tây

Nguyên) và Đồng Nai (Đông Nam Bộ). Trên địa bàn các tỉnh miền Đông Nam Bộ người Mạ sống tập trung ở tỉnh Đồng Nai với 2.186 người, Bình Phước 285 người. Dải bản cư trú của người Mạ nằm ở lưu vực sông Đồng Nai (Đạ Đong)- nơi giáp ranh giữa các cao nguyên Trường Sơn nam với vùng đất cao miền Đông Nam Bộ. Theo các nhà nghiên cứu lịch sử, khảo cổ học... thì trước đây địa bàn cư trú của người Mạ bao gồm từ cao nguyên Liang Biang Di Linh xuống đến tận cùng hạ lưu sông La Ngà và sông Đồng Nai, một "dải đất liền khoanh" dọc theo sông Đah Đong giáp ranh cao nguyên "ba biên giới" (cao nguyên Bào Lộc, Di Linh và cao nguyên đất đỏ Đông Nam Bộ) giáp lãnh thổ người Mnông và phía bắc, người Xtiêng về phía tây, người Cơ ho và Chu ru về phía Đông.

Tộc danh Mạ có nghĩa là gì thì chưa rõ, song đa số người Mạ và một số tộc người láng giềng (như Cơ-ho, Mnông, Xtiêng, Chơ-ro...) đều cho rằng nó có liên quan đến việc xác định một phương thức hoạt động kinh tế nương rẫy của đồng bào; mà đối lập với từ Mạ là Srê một nhóm địa phương của người Cơ h- chuyên làm ruộng nước. Tuy hiện nay người Mạ và các tộc người láng giềng đều gọi nương rẫy là mir và gọi sinh lầy là srê. Do vậy có ý kiến cho rằng, tộc danh Mạ bắt nguồn từ thuật ngữ mir hay đã từng đồng nghĩa với mir, đối lập với srê. Nhưng dù sao tộc danh của người Mạ cũng phản ánh một thực tế lịch sử là họ chính là thanh phần của công đồng ngôn ngữ Môn-Khmer bản địa ở Đông Dương, vốn là cư dân làm nương rẫy lâu đời. Người Mạ là một cộng đồng thống nhất, có tên gọi chung,

ngôn ngữ chung, ý thức chung về tộc người và tự phân biệt mình với tộc người khác. Một số học giả phương Tây đã từng gọi tộc người này là "vương quốc Mạ"- một sự phản ánh tính cộng đồng thống nhất rộng lớn nhất định của họ. Ngoài tộc danh thống nhất, người Mạ còn được gọi là Châu Mạ, Chô Mạ, Chê Mạ... Ngoài ra thường nghe thấy các tên gắn liền với tên các địa phương có người Mạ cư trú, tức ba tổng hành chính do thực dân Pháp đặt trước đây như: Mạ Đạ Đong, Mạ Đạ huoi Mạ Blao. Ngoài ra người Mạ còn có một số nhóm địa phương với tên gọi khác nhau gắn với các quan niệm, các địa bàn cư trú đặc thù trong vùng (6)

Người Mạ cũng là tộc người thuộc nhóm cư dân bản địa ở Đông dương và miền Nam nước ta, thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer, nhân chủng thuộc loại hình Anhdônêdiêng. Ngôn ngữ Mạ có sự giao thoa với ngôn ngữ Mnông, Chơ-ro, Xtiêng; đặc biệt có sự gần gũi với ngôn ngữ Chơ-ro láng giềng, thân thiết. Vùng Cát Tiên và nam Lâm Đồng trước đây là thuộc đất Đồng Nai Thượng. Ở Cát Tiên trước 1960 các bun của người Mạ còn ở ven bờ sông Đồng Nai cho đến trước khi chính quyền Sài Gòn cũ dồn dân vào áp chiến lược. Các cụ già ở Cát Tiên còn truyền thuyết về cuộc chiến giữa người Mạ với người Chân Lạp (Khmer) và người Chăm-pa (Chăm). Huyền tích về cuộc chiến với người Chăm-pa của người Mạ sau đó đi đến ngừng chiến và thỏa thuận lấy sông La Ngà làm biên giới và trồng tre La Ngà thành rừng và nguyện với nhau không bên nào được xâm phạm tới rừng tre này. Theo một số nhà nghiên

(6) Một số nhóm địa phương cơ bản của người Mạ như: Mạ Ngăn : được quan niệm là người Mạ chính dòng, trung tâm cư trú là lưu vực sông Đạ Đong thuộc huyện Bào Lộc tỉnh Lâm Đồng. Mạ Tô : phân bố ở lưu vực sông La Ngà (Đạ Rng), tức nhóm Mạ cư trú ở vùng cao, đầu nguồn ; cư trú ở cao nguyên Blao, Bào Lộc, Lâm Đồng. Mạ Krung: cư trú ở vùng bình nguyên từ Tây nam Bào Lộc đến Đồng Nai. Krung là tên làng của nhóm Mạ này. Mạ Xốp : Chỉ nhóm Mạ sinh sống ở vùng đất phiến (Xốp có nghĩa là đất phiến) thuộc vài xã ở huyện Bào Lộc, Lâm Đồng.

cứu thì hơn 300 năm trước đây đã từng có một vương quốc của người Mạ ở Đông Nam Bộ nằm kẹp giữa T h ú y C h â n L ạ p v à Champa(7). Cũng như nhiều tộc người khác trước cách mạng tháng Tám (1945) và trước khi Pháp xâm lược nước ta, người Mạ sống tương đối biệt lập với các tộc người khác trong đó có người Kinh, do vậy không biết tiếng phổ thông. Trải qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, địa bàn cư trú của người Mạ được chọn làm nhiều căn cứ địa của cách mạng nên người Mạ nên việc tiếp xúc với các tộc người ngày càng mở rộng, nhiều người biết tiếng phổ thông, biết chữ quốc ngữ, nhất là giới trẻ; đây là yếu tố cần thiết để cộng đồng Mạ hòa nhập và phát triển.

Trải qua chặng đường phát triển của tộc người Mạ trên địa bàn nam Tây Nguyên và bắc Đông Nam Bộ địa bàn cư trú và cơ cấu tộc người có những biến đổi nhất định. Đó là quá trình tụ cư về trung, thượng lưu sông Đồng Nai, địa bàn cư trú có phần hẹp lại, và hình thái cư trú xen kẽ với các tộc người khác gia tăng, nhất là với người Cơ ho. (8)

- Người Chăm: Nhóm người Chăm ở miền Đông Nam Bộ chiếm 4,36% (với 5.791 người/ 132.873 người- số liệu năm 1999) cộng đồng Chăm toàn quốc và phân bố khá đồng đều trên địa bàn các tỉnh, đông nhất là thành phố Hồ Chí Minh với 4.936 người, Tây Ninh với 2.663 người, Đồng Nai với 2.307 người; các tỉnh có dân số hàng trăm là Bình Phước với 366 người, Bình Dương 322 người và ít

nhất là Bà Rịa-Vũng Tàu với 133 người.

Có thể nói, cũng như người Khmer miền Đông Nam Bộ, cộng đồng Chăm ở đây còn ít được nghiên cứu về lịch sử, văn hóa... nên các thông tin về họ với những giá trị văn hóa tiêu vùng còn là rất hiếm hoi. Nhóm người Chăm ở Tây Ninh còn lưu truyền về câu chuyện 9 chúa, 13 đời vua: Năm 1748, quân Xiêm La đánh đuổi Nặc Tha, vua Chân Lạp cướp phá người Côn Man (Chiêm Thành). Nguyễn Cư Trinh đem quân đến cứu kịp thời và đưa và đưa người Côn Man về núi Bà Đỉnh (tức Bà Đen hiện nay). Về sau có một bộ phận người Chăm từ Công Pông Chăm (Campuchia) đến sinh sống tại Tây Ninh. Nhóm người Chăm ở Tây Ninh và Đồng Nai đều theo đạo Hồi Islam. Trong những năm 1998-1999 có 40 hộ người Chăm từ huyện Tân Châu (An Giang) di cư đến khu vực hồ Dầu Tiếng (Tây Ninh) sau đó hai địa phương làm việc và đưa bà con trở lại sinh sống tại quê cũ An Giang.(9) Nhóm người Chăm ở Đồng Nai có nguồn gốc hình thành và phát triển từ những năm 1970 do chính quyền Mỹ- Ngụy Sài Gòn thực hiện việc dồn dân tập trung người Chăm từ các địa phương như Châu Đốc (An Giang), Tây Ninh, Sài Gòn và Campuchia nhằm mục đích lập ấp theo tuyến quốc lộ 1A thuộc huyện Xuân Lộc. Địa điểm đó được xem là "cánh cửa thép" của miền Đông Nam Bộ nhằm tạo ra lực lượng đối trọng và chống phá sự lan tỏa, ảnh hưởng phong trào cách mạng. Một bộ phận sau năm 1975 từ Châu

Đốc (An Giang), thành phố Hồ Chí Minh đến định cư tại ấp 6 xã Bình Sơn, huyện Long Thành (Đồng Nai) cho đến nay. Cộng đồng Chăm thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc từ một số địa phương khác nhau: nhóm thứ nhất đa số từ Châu Đốc (An Giang)- hay còn gọi là nhóm Chăm Hồi giáo (Islam, Chăm Và), nhóm thứ hai gần 1000 người từ Nam Trung Bộ (Ninh Thuận, Bình Thuận) theo đạo Balamôn hoặc Bàni (Bàni cùng môn phái Hồi giáo nhưng không chính thống, tức Hồi giáo bị pha trộn với tập tục địa phương và tôn giáo cổ truyền- đạo Balamôn của người Chăm miền Trung). Chính yếu tố tôn giáo trên đã tạo ra những nét khác biệt giữa các nhóm Chăm ở thành phố Hồ Chí Minh về cơ cấu xã hội, kinh tế, văn hóa, tiếng nói và chữ viết. Tuy nhiên trong quá trình di cư, mưu sinh, lập nghiệp, hội nhập cùng sinh sống với các cộng đồng tộc người khác ở thành phố Hồ Chí Minh cộng đồng Chăm ở đây đã có kết với nhau trên cơ sở ý thức chung về tộc người trong cộng đồng địa phương và quốc gia. Người Chăm ở thành phố Hồ Chí Minh sinh sống tập trung ở 15 khu vực thuộc địa bàn Quận 1, 3, 6, 8, Phú Nhuận, Bình Thạnh (chủ yếu là nhóm Chăm Hồi giáo hình thành trước năm 1975 với những tên gọi quen thuộc như khu Nancy và Chùa Phật An ở Quận 1, khu Hòa Hưng-Trương Minh Giảng thuộc Quận 3, Khu bình Đông Chợ Lớn thuộc Quận 6, khu Cầu chữ Y và Trại Tể bàn thuộc Quận 8, Khu Phú Nhuận và rải rác ở Thị Nghè tức Bình Thạnh). /

(7) Xem thêm: Trần Quốc Vương: Việt Nam cái nhìn địa văn hóa, Nxb Văn hóa Dân tộc, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội 1998 (tr 455-464)

(8) Thực tế quá trình xen cư giữa người Mạ và các tộc người làng giềng đã dẫn đến sự giao thoa mạnh mẽ làm cho họ xa rời nguồn gốc trước đây của mình. Nhóm Brô (hay Măng Tô) và nhóm Bja trước đây thuộc người Mạ ở vùng nam Bảo Lộc do sống quan hệ lâu năm với nhóm Srê, Tô là của người Cơ ho và chịu ảnh hưởng ngày càng nhiều văn hóa của người Cơ ho nhất là về mặt ngôn ngữ... Đây cũng là hiện tượng giao thoa và ảnh hưởng văn hóa giữa các tộc người không hiếm ở nước ta.

(9)- Từ 1995 về trước mối quan hệ của người Chăm ở Tây Ninh với cộng đồng Hồi giáo còn mờ nhạt; 10 năm trở lại đây có mối quan hệ ngày càng phát triển với bên ngoài. Các lễ hội, lễ khánh thành Thành đường đều có sự tham gia của người Chăm theo Islam trong toàn vùng Nam Bộ (thành phố Hồ Chí Minh, An Giang, Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Dương) thậm chí cả nhóm Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận... (Nguồn: Ban Dân vận Tỉnh ủy Tây Ninh).